

Bản án số: 28/2023/KDTM-ST

Ngày: 16/5/2023

V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Tứ Nhị

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Tiêu Thị Kim Liên

2. Bà Nguyễn Kim Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thu Hoài – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp,
Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa: Bà
Nguyễn Thị Thùy An – Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ
thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2022/TLST-KDTM ngày 24 tháng 3 năm 2022 về
“Tranh chấp hợp đồng mua bán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số
96/2023/QĐXX-KDTM ngày 29 tháng 3 năm 2023 (Quyết định hoãn phiên tòa số
119/2023/QĐST – KDTM ngày 18/4/2023), giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty ĐC

Trụ sở: phường 17, quận Phú Nhuận, TPHCM

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Hồng Ng, sinh năm 1984

Địa chỉ: phường Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân, TPHCM; Giấy ủy quyền lập
ngày 15/5/2023

Bị đơn: Công ty cổ phần nội thất N

Trụ sở: phường 8, quận Gò Vấp, TPHCM

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Thanh T, sinh năm 1980

Địa chỉ: phường 8, quận Gò Vấp, TPHCM

(Đại diện nguyên đơn có mặt; Bị đơn vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn là Công ty ĐC (sau đây gọi là Công ty ĐC) và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 10/11/2019 Công ty cổ phần nội thất N (sau đây gọi là Công ty N) và Công ty ĐC có ký kết Hợp đồng thi công số 101119SW/NEM – ĐC về việc cung cấp và thi công lắp đặt hoàn thiện hạng mục đá bồn tắm tại công trình Sunwah. Giá trị hợp đồng là 1.150.160.000 đồng.

Ngày 10/7/2020 hai bên ký bảng quyết toán thầu phụ. Theo đó, Công ty N còn nợ Công ty ĐC số tiền 296.631.323 đồng.

Ngày 15/7/2020 hai bên lập biên bản nghiệm thu và bàn giao đưa vào sử dụng.

Ngày 13/8/2020 hai bên ký kết biên bản nghiệm thu và bàn giao đưa vào sử dụng (bàn giao cuối cùng).

Ngày 11/9/2020 Công ty ĐC chuyển hồ sơ đề nghị thanh quyết toán số tiền còn lại là 296.631.323 đồng cho Công ty N.

Theo thỏa thuận, trong vòng 30 ngày (tức hạn cuối cùng là ngày 11/10/2020) thì Công ty N phải thanh toán cho Công ty ĐC nhưng đến ngày 21/01/2022 Công ty N mới thanh toán xong số tiền 296.631.323 đồng.

Do Công ty N vi phạm thời hạn thanh toán theo thỏa thuận nên ngày 08/3/2022 Công ty ĐC khởi kiện ra Tòa án nhân dân quận Gò Vấp yêu cầu Công ty N thanh toán số tiền lãi do chậm thanh toán là 130.967.746 đồng.

Bị đơn là Công ty N mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đến tòa án làm bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng các đương sự không đến. Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tòa án cũng đã tổng đạt thông báo về kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn nhưng bị đơn vẫn vắng mặt do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử buộc Công ty N thanh toán cho Công ty ĐC tiền lãi do chậm thanh toán tính từ ngày 12/10/2020 đến ngày 21/01/2022 theo quy định pháp luật, đối với số tiền vi phạm thời hạn thanh toán là 296.631.323 đồng.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1/ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Cụ thể: Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan tranh chấp. Tổng đạt cho các đương sự đúng theo quy định tại Điều 175 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tiến hành phiên hòa giải đúng quy định tại Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Có vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Quyết định đưa vụ án ra xét xử thực hiện đúng theo quy định tại Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Gửi quyết định xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đảm bảo thời hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2/ Về người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

3/ Về nội dung vụ án:

Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn là Công ty nội thất N và người đại diện theo pháp luật là ông Phạm Thanh T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không đến tòa để cung cấp ý kiến, cung cấp tài liệu chứng cứ, không có ý kiến phản đối với các yêu cầu của nguyên đơn.

Do bị đơn là Công ty nội thất N vi phạm thời hạn thanh toán theo thỏa thuận tại Hợp đồng thi công số 101119SW/NEM – ĐC ngày 10/11/2019 nên Công ty ĐC khởi kiện yêu cầu thanh toán tiền lãi do chậm thanh toán đối với số tiền 296.631.323 đồng là có căn cứ. Tuy nhiên, lãi suất chậm thanh toán mà hai bên thỏa thuận tại hợp đồng vượt quá quy định tại Điều 306 của Luật thương mại 2005. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu lãi tính từ ngày 11/9/2020 đến ngày 21/01/2022 thành 130.967.746 đồng là chưa phù hợp, nên phải tính lại theo lãi suất trung bình trên thị trường tương ứng với thời gian chậm trả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền lãi do chậm thanh toán tiền mua hàng (cung cấp hàng hóa và lắp đặt). Bị đơn có trụ sở tại quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, 430, 440 Bộ luật dân sự và Điều 306 của Luật thương mại năm 2005, đây là quan hệ về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2 Về người tham gia tố tụng:

Đại diện nguyên đơn có mặt tại phiên tòa phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến tòa án để tham gia phiên tòa giải quyết vụ án là đã tước bỏ quyền được chứng minh của mình, bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết vụ án vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung quy định tại khoản 4 Điều 91; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu của các đương sự:

Về yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi do chậm thanh toán:

Theo Điều 2 của Hợp đồng số 101119SW/NEM – ĐC ngày 10/11/2019 thì hai bên thỏa thuận thời gian thanh toán là 30 ngày sau khi nghiệm thu quyết toán toàn bộ công trình và đưa vào sử dụng. Ngày 11/9/2020 là ngày nguyên đơn chuyển hồ sơ đề nghị thanh quyết toán số tiền còn lại là 296.631.323 đồng cho bị đơn thì hạn cuối cùng bị đơn phải thanh toán là ngày 11/10/2020. Nhưng đến ngày 21/01/2022 bị đơn mới thanh toán xong. Như vậy, bị đơn vi phạm về thời hạn thanh toán tính từ ngày 12/10/2020 đến ngày 21/01/2022 là 460 ngày, nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lãi phát sinh do chậm thanh toán theo quy định pháp luật là có căn cứ.

Xét thấy:

Điều 430 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *“Hợp đồng mua bán tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên bán chuyển quyền sở hữu tài sản cho bên mua và bên mua trả tiền cho bên bán”*.

Khoản 1 Điều 440 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *“Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền quy định trong hợp đồng”*.

Điều 306 Luật Thương mại năm 2005 quy định: *“Trường hợp bên vi phạm hợp đồng về chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”*.

Điều 11 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm quy định: *“Trường hợp hợp đồng thuộc phạm vi điều chỉnh tại Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005 thì khi xác định lãi suất chậm trả đối với số tiền chậm trả, Tòa án căn cứ vào mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của ít nhất 03 (ba) ngân hàng thương mại (Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam,...) có trụ sở, chi nhánh hoặc phòng giao dịch tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi Tòa án đang giải quyết, xét xử có trụ sở tại thời điểm thanh toán (thời điểm xét xử sơ thẩm) để quyết định mức lãi suất chậm trả, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”*.

Tòa án đã thu thập tài liệu chứng cứ về lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường đối với Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh Gia định; Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 9; Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Sơn Nhất thì mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của ba ngân hàng nêu trên là 17,5%/năm.

Bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 12/10/2020 đến ngày 21/01/2021 là 460 ngày x 296.631.323 đồng x (17,5%/ năm) = 65.421428 đồng.

Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không nằm ngoài hoặc vượt quá phạm vi khởi kiện. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn trả số tiền lãi là 65.421428 đồng cho nguyên đơn.

Về thời hạn thanh toán:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử nhận thấy, việc bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận là ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn. Do đó nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán ngay một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở nên chấp nhận.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với nội dung vụ án và đúng quy định pháp luật.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

[5] Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và khoản 4 Điều 91, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 306 Luật thương mại năm 2005;

Căn cứ các Điều 357; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Điều 11; điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị Quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là Công ty ĐC đối với bị đơn là Công ty cổ phần nội thất N.

Buộc Công ty cổ phần nội thất N có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty ĐC số tiền 65.421.428 đồng (*sáu mươi lăm triệu, bốn trăm hai mươi một ngàn, bốn trăm hai mươi tám đồng*). Thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Công ty cổ phần nội thất N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.271.071 đồng (*ba triệu, hai trăm bảy mươi một ngàn, không trăm bảy mươi một đồng*).

- Hoàn lại tiền tạm nộp án phí cho Công ty ĐC số tiền 3.274.194 đồng (*ba triệu hai trăm bảy mươi bốn ngàn một trăm chín mươi bốn đồng*) theo biên lai thu số AA/2021/0047937 ngày 24/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã

được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSNDQGV;
- CCTHADS QGV;
- Đương sự;
- Lưu VP, HS.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Lê Tứ Nhị